

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

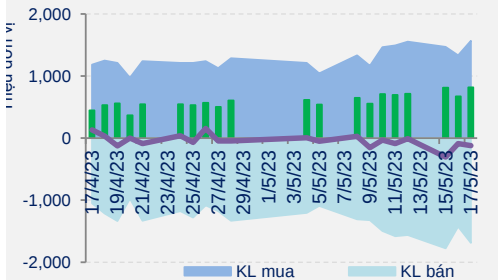
17/5/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

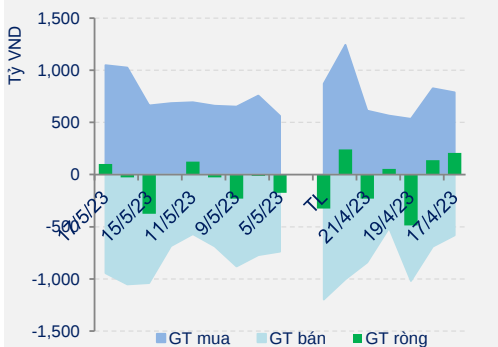
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,060.44	212.86
% Thay đổi	↓ -0.51%	↓ -0.82%
KLGD (CP)	818,076,610	119,660,369
GTGD (tỷ đồng)	13,259.26	1,650.83
Tổng cung (CP)	1,689,129,170	187,062,000
Tổng cầu (CP)	1,567,629,167	169,300,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	33,781,900	400,309
KL mua (CP)	38,220,500	968,233
GT mua (tỷ đồng)	1,049.10	21.35
GT bán (tỷ đồng)	946.25	7.73
GT ròng (tỷ đồng)	102.85	13.62

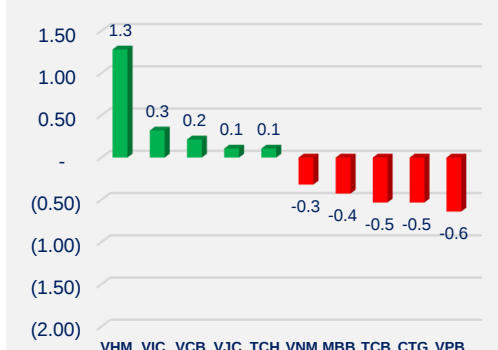
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



VN-INDEX phiên giao dịch sáng hôm nay phục hồi tăng lên vùng 1.070 điểm dưới ảnh hưởng của nhóm cổ phiếu lớn như VIC, VHM, VCB ... với thanh khoản suy giảm. Tuy nhiên áp lực bán gia tăng trong phiên chiều khiến cho VN-INDEX giảm 5,47 điểm (-0,51%) về 1.060,44 điểm, HNX-INDEX giảm 1,76 điểm (-0,82%) về 214,62 điểm. Độ rộng trên cả 2 sàn nghiêng về hướng tiêu cực khi có tổng cộng 339 mã giảm điểm (7 mã giảm sàn), 228 mã tăng điểm (25 mã tăng trần) và 119 mã tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 14.906,89 tỷ đồng, tăng 16,43% so với phiên trước thể hiện áp lực bán gia tăng mạnh ở nhiều mã, nhóm mã, khối lượng giao dịch cũng gia tăng mạnh 28,7% trên HOSE và 27% trên HNX. Nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trên HOSE với giá trị 102,85 tỷ đồng. Mua ròng trên HNX với giá trị 13,62 tỷ đồng.

Thông tin nổi bật trong ngày hôm nay là Chính phủ rút lại đề xuất giảm thuế VAT 2% với nhóm hàng hoá như: Viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm, kinh doanh bất động sản,... Theo đó Chính phủ vừa có tờ trình gửi Quốc hội về tiếp tục thực hiện chính sách giảm thuế VAT 2% theo Nghị quyết 43/2022, sau khi tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Qua đó các nhóm ngành trên chịu áp lực điều chỉnh, bán với thanh khoản gia tăng mạnh như. Cụ thể như nhóm bất động sản ngoài LDG (+6,96%), QCG (+6,79%), TDC (+6,33%), VHM (+2,30%) tăng điểm thì đa phần chịu áp lực bán như NLG (-4,52%), DRH (-4,35%), DXG (-3,79%), CEO (-3,44%)...

Nhóm cổ phiếu chứng khoán cũng chịu áp lực điều chỉnh với khối lượng giao dịch trên mức trung bình như APS (-4,73%), CTS (-3,76%), VIX (-3,50%), BSI (-3,50%), MBS (-3,50%)...

Nhóm cổ phiếu ngân hàng cũng chịu áp lực điều chỉnh, đa số thanh khoản dưới mức trung bình như TPB (-2,52%), EIB (-2,33%), VPB (-2,04%), MBB (-1,45%)...

Nhóm cổ phiếu dầu khí sau phiên tăng điểm trước với khối lượng giao dịch đột biến, chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản giảm với PVC (+2,96%), BSR (-2,40%), OIL (-2,11%), PVD (-1,79%), PVS (-1,12%)...

Các cổ phiếu nhóm khu công nghiệp, xây dựng, vật liệu xây dựng đa số cũng có diễn biến tương tự với áp lực bán ngắn hạn như KBC (-3,13%), VGC (-2,98%), SZC (-2,83%)... VCG (-2,77%), KSB (-2,55%), C4G (-2,31%), LCG (-1,96%)...

Trong khi đó nhóm phân bón lại có diễn biến khá tích cực, thanh khoản cải thiện tốt như LAS (+4,00%), DDV (+3,33%), DPM (+0,92%) và nhiều mã vốn hóa nhỏ, có tính chất đầu cơ vẫn có mức độ phục hồi mạnh.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2305 giảm 2 điểm (-0,19%), mức chênh lệch tăng lên dương 2,90 điểm so với VN30 khi sắp đến phiên đáo hạn 18/05/2023. Khối lượng mở OI kỳ hạn VN30F2305 giảm và các vị thế đầu cơ đang chuyển sang kỳ hạn lớn hơn VN30F2306. Các kỳ hạn VN30F2306, VN30F2309, VN30F2312 thu hẹp mạnh mức chênh lệch xuống còn từ -2,60 điểm đến -6,10 điểm. Trong đó kỳ hạn lớn hơn VN30F2312 cao hơn kỳ hạn VN30F2309 cho thấy các trader đang có kỳ vọng thị trường sẽ phục hồi ở vùng 1.056 điểm.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Sau 2 phiên lưỡng lự đi ngang, hôm nay thị trường có phiên điều chỉnh và chúng tôi cũng dự báo khả năng này trong các bản tin vừa qua. Sau chuỗi phiên tăng bùng nổ tuần trước, thị trường cần một nhịp điều chỉnh nhẹ do sự trì kéo của nền tảng tích lũy và điều này có tính chất tích cực để củng cố xu hướng tăng. Trên biểu đồ phân tích kỹ thuật, trong trường hợp xấu VN-Index có khả năng điều chỉnh về vùng hỗ trợ quanh khu vực 1.050 điểm, tuy nhiên với nền tảng tích lũy tin cậy chúng tôi cho rằng đợt điều chỉnh này sẽ sớm kết thúc và thị trường có thể tiếp tục quay lại xu hướng hồi phục.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên hôm nay VnIndex điều chỉnh giảm -5,47 điểm (-0,51%) tuy nhiên vẫn đóng cửa trên đường hỗ trợ của kênh tích lũy và trên MA20, kịch bản đã sớm dự báo trong các bản tin trước.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, VN-Index vẫn duy trì trong nhịp hồi phục mới được thiết lập trong tuần trước với mục tiêu có thể là khu vực kháng cự 1.100 điểm - 1.150 điểm tương ứng với vùng đỉnh cũ của các sóng hồi trước đây. Xu hướng trung - dài hạn của chỉ số tiếp tục chuyển đổi dần sang giai đoạn hậu tích lũy sau khi thoát ra khỏi kênh và có thể hình thành xu hướng tăng mới. Trong trường hợp kém khả quan (không vượt được ngưỡng 1.150 điểm) thì ngưỡng hỗ trợ của VnIndex sẽ quanh khu vực 1.000 điểm - 1.050 điểm.

Các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng các phiên điều chỉnh để giải ngân với tỷ trọng trung bình. Nhà đầu tư trung, dài hạn duy trì danh mục hiện tại sau khi đã mua vào như chúng tôi thường xuyên khuyến nghị thời gian qua và có thể xem xét gia tăng thêm tỷ trọng các cổ phiếu mục tiêu trong các nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ của chỉ số.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

17/5/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu TTM	T.trưởng Lợi nhuận TTM	
QNS	46.61	42-44.6	50-52	39	11.7	17.4%	80.1%	Theo dõi chờ giải ngân
TNG	19.00	18.5-19.3	22.5-23	16	6.6	5.9%	13.7%	Theo dõi chờ giải ngân
DPR	53.90	52-54.5	65-67	50	9.0	-11.8%	45.6%	Theo dõi chờ giải ngân
BSI	27.60	25-26	32-33	24	33.8	-13.6%	17.3%	Theo dõi chờ giải ngân
SKG	18.60	17-18	22-23	16	17.4	39.8%	235.1%	Theo dõi chờ giải ngân
MCH	72.10	70-73	100-105	67	9.1	-2.4%	18.4%	Theo dõi chờ giải ngân
KBC	26.35	24-26	31-32	22	10.1	221.4%	95.7%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	29.85	27.40	34-36	29.5	8.94%	Nắm giữ
30/3/23	BVS	22.00	18.00	24-26	21	22.22%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	46.00	42.00	50-52	43	9.52%	Nắm giữ
19/4/23	BMP	85.00	63.90	89-91	81	33.02%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	26.40	25.10	29-30	25	5.18%	Nắm giữ
5/5/23	ITC	10.60	9.08	12-12.5	10.1	16.74%	Nắm giữ
8/5/23	PVT	20.20	20.45	26-27	20	-1.22%	Nắm giữ
9/5/23	VOS	10.90	11.00	14.5-15.5	10.2	-0.91%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	12.25	12.75	18-18.5	12	-3.92%	Nắm giữ

TIN VĨ MÔ

Ngành thuế xếp hạng người nộp thuế có rủi ro, nâng cấp công nghệ để truy lùng gian lận hoá đơn

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế Đặng Ngọc Minh cho biết, thời gian qua, ngành thuế triển khai hóa đơn điện tử trên toàn quốc và tính đến nay, trên hệ thống hóa đơn điện tử đã tiếp nhận trên 4 tỷ hóa đơn. Việc triển khai bộ chỉ tiêu áp dụng quản lý rủi ro trong quản lý và sử dụng hóa đơn cùng hệ thống phân tích dữ liệu hóa đơn điện tử mới được ra mắt, ngành thuế đang quản chặt để sớm phát hiện những trường hợp nghi ngờ gian lận trong 4 tỷ hóa đơn này.

Tiền gửi vào ngân hàng tăng không đuổi kịp tốc độ cho vay

Theo Ngân hàng Nhà nước (NHNN), hiện mặt bằng lãi suất thị trường đã dần ổn định, lãi suất cho vay ở mức 9,3%/năm. Tuy nhiên, huy động vốn đến ngày 27/4 tăng 1,78%, chỉ bằng gần 50% so với tốc độ tăng trưởng tín dụng 3,04%.

Kinh tế Trung Quốc đón tin buồn trong tháng 4

Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc hôm 16/05 cho biết sản xuất công nghiệp tại nước này trong tháng 4 tăng 5.6% so với cùng kỳ năm ngoái, thấp hơn nhiều so với dự báo 10.9%. Doanh số bán lẻ tăng 18.4%, chủ yếu do số liệu năm ngoái thấp. Mối lo ngại lớn hơn là tỷ lệ thất nghiệp trong giới trẻ đã tăng lên mức kỷ lục 20.4%. Đây là tín hiệu cho thấy đà hồi phục hậu đại dịch không đủ mạnh để tạo đủ việc làm hàng triệu người trẻ vừa gia nhập lực lượng lao động.

Vinatex: Xuất khẩu dệt may sang các thị trường chính đều đi xuống

Theo báo cáo của Văn phòng Hội đồng quản trị Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex), tháng 4/2023, xuất khẩu dệt may Việt Nam giảm 20,6% so với cùng kỳ năm trước, kim ngạch xuất khẩu đạt 3,06 tỷ USD (cùng kỳ năm trước đạt 3,86 tỷ USD). Lũy kế 4 tháng năm 2023, xuất khẩu dệt may cả nước đạt khoảng 11,7 tỷ USD, giảm 20% so với cùng kỳ năm trước (trị giá tuyệt đối giảm gần 3 tỷ USD).

TIN DOANH NGHIỆP
Viettel Post (VTP): Thách thức kế hoạch lợi nhuận tăng gấp rưỡi

Viettel Post vừa công bố báo cáo tài chính quý I/2023, với doanh thu 4.772 tỷ đồng, giảm hơn 17% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 75,7 tỷ đồng, giảm 26,7%. Đây cũng là quý Công ty ghi nhận doanh thu thấp nhất kể từ quý II/2020 đến nay. Theo giải trình của Viettel Post, lợi nhuận quý I giảm là do tăng chi phí vận hành và chi phí nhân công để đảm bảo chất lượng dịch vụ.

Bước tạo đà vững chắc của Traphaco

Báo cáo tài chính hợp nhất quý I của Traphaco (Mã TRA) cho thấy doanh thu đạt 620 tỷ đồng, xấp xỉ cùng kỳ. Do chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nên lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 100 tỷ đồng, giảm 12% so với cùng kỳ.

Cổ phiếu Xây dựng Hòa Bình không được giao dịch phiên sáng

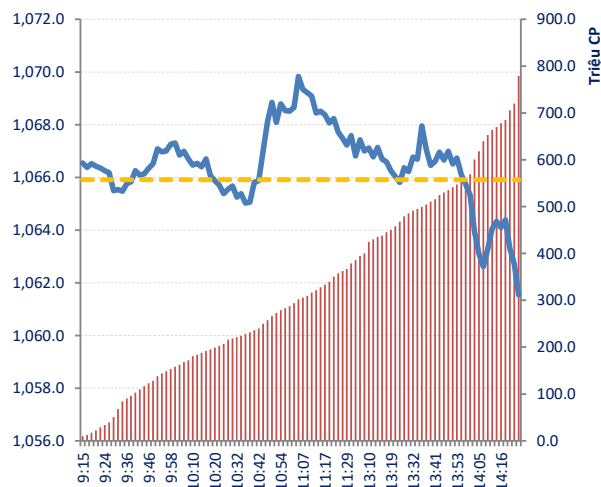
Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM (HoSE) vừa thông báo chuyển cổ phiếu của Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình từ diện kiểm soát sang hạn chế giao dịch từ 23/5. HBC không được khớp lệnh lần thỏa thuận trong phiên sáng mà chỉ giao dịch vào phiên chiều từ thứ Ba tuần sau (23/5). Án phạt này đưa ra bởi Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình đã chậm nộp báo cáo tài chính kiểm toán quá 45 ngày so với thời hạn quy định.

Cổ đông lớn S55 nâng sở hữu lên mức 54.7%

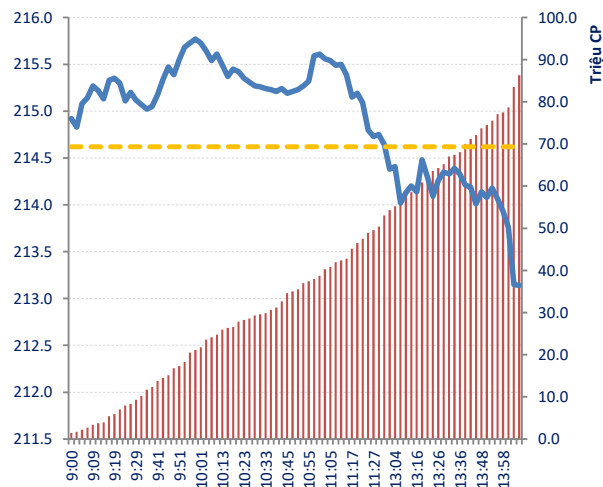
CTCP ANZA - cổ đông lớn của CTCP Sông Đà 505 (HNX: S55) - tiếp tục nâng tỷ lệ sở hữu tại Công ty lên mức 54.7% sau khi mua thêm hơn 2 triệu cp S55 trong phiên 10/05. Trước đó, ANZA đã mua 984,600 cp S55 trong phiên 20/04/2023, qua đó nâng tỷ lệ sở hữu từ 24.67% lên 34.52%, tương đương gần 3.5 triệu cp.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

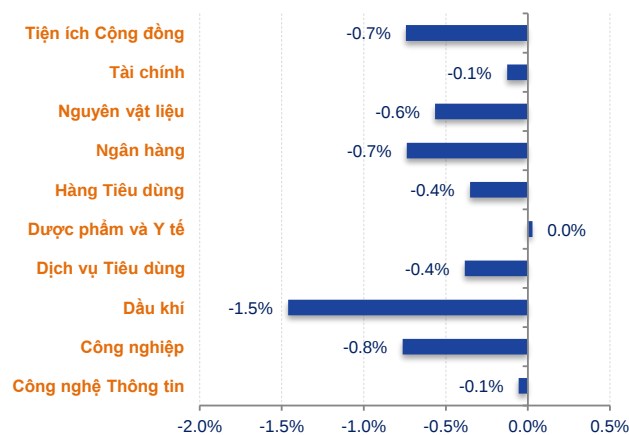
KLGD và VN-Index trong phiên



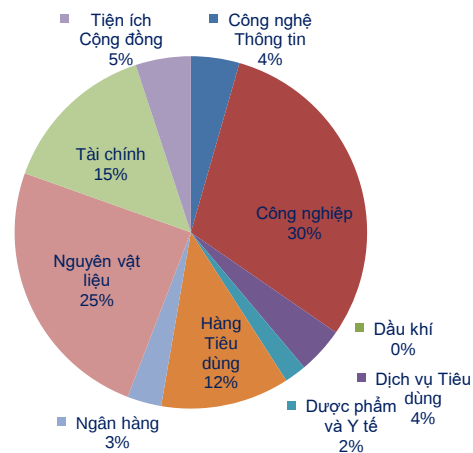
KLGD và HNX-Index trong phiên



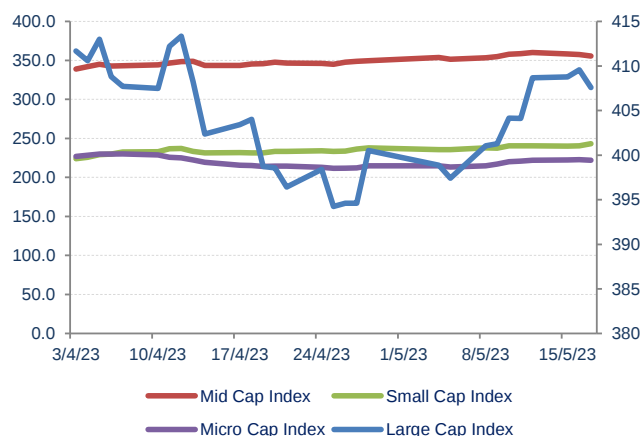
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



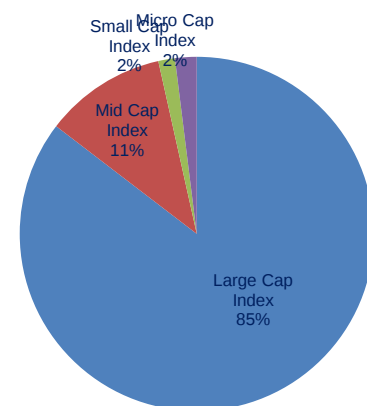
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	9,824,600	SHB	4,267,900	1	TNG	204,898	PVS	114,817
2	POW	2,556,200	STB	1,728,200	2	DTD	154,400	ONE	33,900
3	VHM	1,396,000	CTG	1,509,500	3	TVD	98,900	TFC	32,900
4	HPX	1,285,000	KBC	1,277,900	4	DDG	90,700	NDX	21,300
5	HDB	1,114,800	VNM	1,229,200	5	NDN	79,700	BVS	16,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	11.60	11.70	↑ 0.86%	34,106,800	SHS	11.00	10.70	↓ -2.73%	28,274,650
HPG	22.00	21.80	↓ -0.91%	29,314,700	CEO	26.20	25.30	↓ -3.44%	9,569,868
HDB	19.50	19.60	↑ 0.51%	29,284,100	PVS	26.70	26.40	↓ -1.12%	6,475,104
DXG	14.50	13.95	↓ -3.79%	25,987,300	IDJ	14.50	13.80	↓ -4.83%	5,363,509
TCH	8.11	8.66	↑ 6.78%	24,643,100	MBS	17.40	16.80	↓ -3.45%	5,075,953

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AGM	5.86	6.27	0.41	↑ 7.00%	VE1	4.00	4.40	0.40	↑ 10.00%
SMA	8.45	9.04	0.59	↑ 6.98%	SCI	11.20	12.30	1.10	↑ 9.82%
LDG	4.31	4.61	0.30	↑ 6.96%	DAD	16.30	17.90	1.60	↑ 9.82%
HTL	18.70	20.00	1.30	↑ 6.95%	PEN	7.30	8.00	0.70	↑ 9.59%
CIG	4.90	5.24	0.34	↑ 6.94%	DDG	9.40	10.30	0.90	↑ 9.57%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HBC	9.20	8.56	-0.64	↓ -6.96%	CTB	22.20	20.00	-2.20	↓ -9.91%
SC5	21.10	19.70	-1.40	↓ -6.64%	INC	30.80	27.80	-3.00	↓ -9.74%
ST8	18.60	17.40	-1.20	↓ -6.45%	PIC	15.40	13.90	-1.50	↓ -9.74%
APG	7.77	7.27	-0.50	↓ -6.44%	NTH	60.90	55.00	-5.90	↓ -9.69%
YEG	11.60	11.00	-0.60	↓ -5.17%	SMN	14.50	13.10	-1.40	↓ -9.66%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	34,106,800	19.7%	2,520	4.6	0.8
HPG	29,314,700	9.1%	1,459	15.1	1.3
HDB	29,284,100	22.2%	3,081	6.3	1.2
DXG	25,987,300	1.6%	354	40.9	0.6
TCH	24,643,100	1.5%	267	30.3	0.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	28,274,650	2.1%	224	49.1	0.9
CEO	9,569,868	7.7%	1,084	24.2	1.8
PVS	6,475,104	6.9%	1,849	14.4	1.0
IDJ	5,363,509	10.1%	890	16.3	1.3
MBS	5,075,953	13.0%	1,531	11.4	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
AGM	↑ 7.0%	-32.4%	(7,718)	-	0.3
SMA	↑ 7.0%	13.7%	1,445	5.8	0.8
LDG	↑ 7.0%	0.1%	16	275.5	0.3
HTL	↑ 7.0%	17.1%	3,083	6.1	1.0
CIG	↑ 6.9%	-3.9%	(208)	-	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VE1	↑ 10.0%	-15.2%	(832)	-	0.8
SCI	↑ 9.8%	6.5%	1,184	9.5	0.6
DAD	↑ 9.8%	15.6%	3,101	5.3	0.9
PEN	↑ 9.6%	0.6%	83	88.2	0.5
DDG	↑ 9.6%	5.9%	762	12.3	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	9,824,600	9.1%	1,459	15.1	1.3
POW	2,556,200	6.4%	880	15.3	0.9
VHM	1,396,000	20.6%	6,621	7.9	1.4
HPX	1,285,000	3.9%	462	9.0	0.3
HDB	1,114,800	22.2%	3,081	6.3	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TNG	204,898	18.8%	2,880	6.8	1.2
DTD	154,400	12.2%	2,798	10.5	1.1
TVD	98,900	28.8%	3,921	3.8	1.0
DDG	90,700	5.9%	762	12.3	0.7
NDN	79,700	-14.8%	(1,905)	-	0.6

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	438,231	24.4%	6,318	14.7	3.0
BID	227,634	19.1%	3,590	12.5	2.1
VHM	227,298	20.6%	6,621	7.9	1.4
VIC	201,757	5.9%	2,270	23.3	1.5
GAS	176,849	26.1%	7,732	12.0	2.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	13,930	4.2%	697	57.1	2.3
IDC	12,837	31.7%	5,356	7.3	2.0
PVS	12,762	6.9%	1,849	14.4	1.0
KSF	12,000	5.6%	1,224	32.7	1.8
BAB	11,418	8.8%	1,017	13.5	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

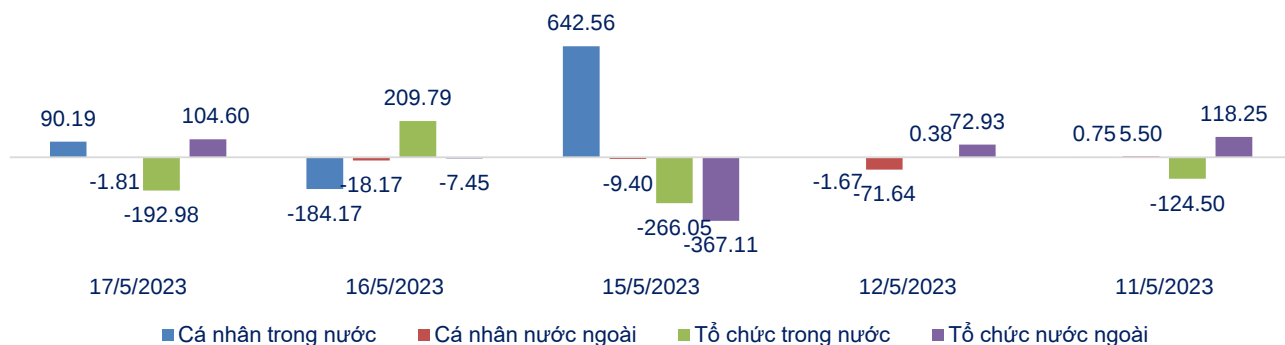
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.34	0.0%	1	9,423.0	0.4
DPG	2.71	19.2%	6,083	5.2	0.9
LDG	2.69	0.1%	16	275.5	0.3
NHA	2.53	0.5%	45	343.2	1.5
DXG	2.49	1.6%	354	40.9	0.6

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	4.43	3.3%	615	83.7	3.9
APS	4.10	-37.9%	(5,410)	-	1.2
API	4.02	13.2%	1,410	10.1	1.2
IDJ	3.92	10.1%	890	16.3	1.3
CEO	3.84	7.7%	1,084	24.2	1.8

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	445.53	22.2%	3,081	6.3	1.2
VNM	54.38	24.8%	4,077	17.1	4.2
SHB	51.52	19.7%	2,520	4.6	0.8
CTG	38.21	16.6%	3,491	8.0	1.2
KBC	32.98	8.9%	1,991	13.7	1.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-282.57	9.1%	1,459	15.1	1.3
VHM	-77.44	20.6%	6,621	7.9	1.4
VIC	-57.49	5.9%	2,270	23.3	1.5
VRE	-44.28	8.7%	1,222	23.2	1.9
EIB	-42.78	15.4%	1,997	9.7	1.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	5.33	9.1%	1,459	15.1	1.3
VPB	2.10	19.1%	2,714	7.2	1.3
DIG	1.26	1.9%	236	88.9	1.6
SHB	1.13	19.7%	2,520	4.6	0.8
HDC	0.91	25.1%	3,873	9.0	2.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MIG	-7.48	0.0%	-	-	1.5
TV2	-3.32	3.9%	783	35.0	1.4
VHM	-1.75	20.6%	6,621	7.9	1.4
GVR	-0.79	7.3%	960	16.7	1.2
DLG	-0.71	-71.1%	(4,074)	-	0.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	66.98	9.1%	1,459	15.1	1.3
EIB	43.14	15.4%	1,997	9.7	1.4
SSI	34.49	9.3%	1,364	16.8	1.5
VNM	30.51	24.8%	4,077	17.1	4.2
VIC	25.45	5.9%	2,270	23.3	1.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-467.33	22.2%	3,081	6.3	1.2
VJC	-35.54	-14.3%	(4,177)	-	3.5
ACB	-16.52	26.5%	4,053	6.2	1.4
POW	-16.50	6.4%	880	15.3	0.9
DXS	-10.81	4.3%	760	8.5	0.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	210.25	9.1%	1,459	15.1	1.3
VHM	76.29	20.6%	6,621	7.9	1.4
POW	34.46	6.4%	880	15.3	0.9
VIC	32.05	5.9%	2,270	23.3	1.5
VRE	29.93	8.7%	1,222	23.2	1.9

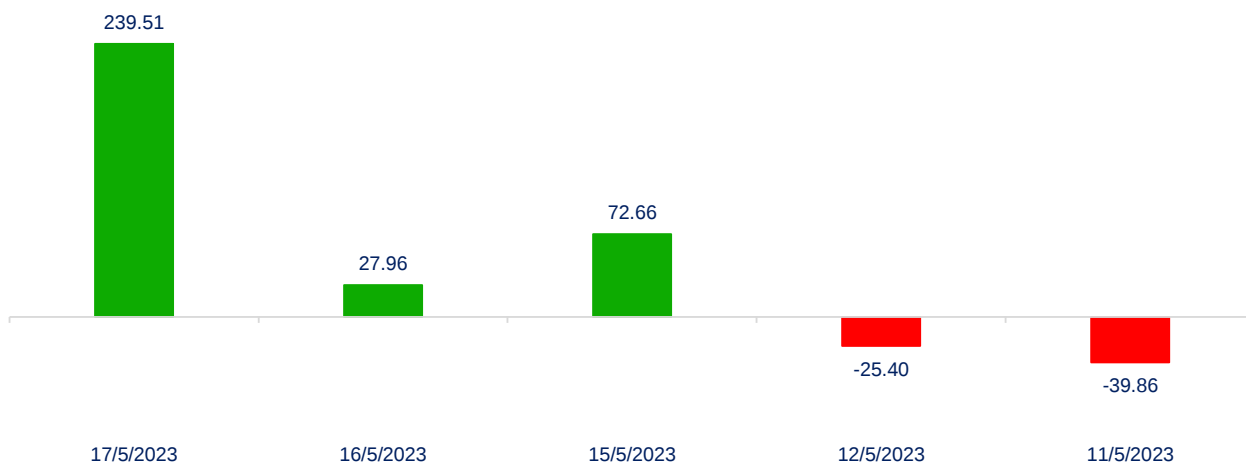
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	-84.92	24.8%	4,077	17.1	4.2
SHB	-50.39	19.7%	2,520	4.6	0.8
STB	-46.77	13.8%	2,674	10.2	1.3
CTG	-41.95	16.6%	3,491	8.0	1.2
KBC	-34.92	8.9%	1,991	13.7	1.1

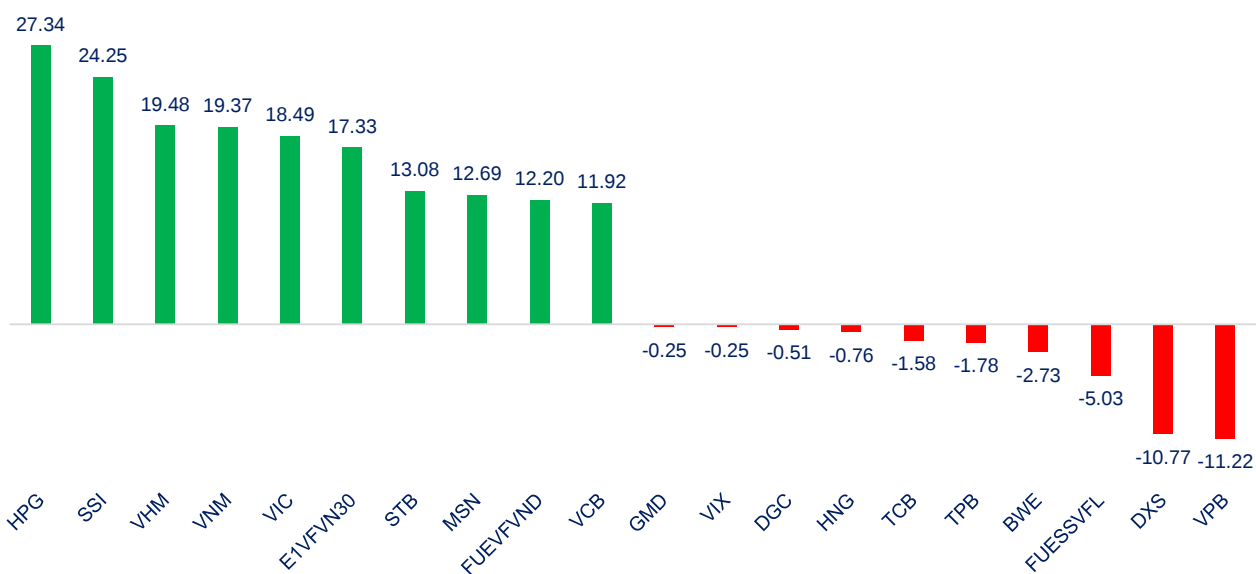


THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn